

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KẾT QUẢ THI VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
 NGÀY THI: 17/9/2017, NGÀY CẤP: 20/9/2017

(Danh sách ban hành kèm theo quyết định số 1424/QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang)

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số vào sổ	Số hiệu
						Trắc nghiệm	Thực hành			
1	Nguyễn Ngọc	Anh	CNTT01	13/09/1995	Liên Quan - Thạch Thất - Hà Nội	7,2	5,5	Đạt	CNTTCB336	0163476
2	Trịnh Ngọc	Ánh	CNTT02	18/12/1992	Phú Kim - Thạch Thất - Hà Nội	7,7	5,0	Đạt	CNTTCB337	0163475
3	Mai Xuân	Ba	CNTT03	08/02/1993	Thanh Vân - Quản Bạ - Hà Giang	6,2	7,0	Đạt	CNTTCB338	0163474
4	Đình Thị	Bằng	CNTT04	29/11/1991	Lương Sơn - Hoà Bình	6,2	6,5	Đạt	CNTTCB339	0163473
5	Kiều Văn	Bình	CNTT05	17/05/1965	Cần Kiệm - Thạch Thất - Hà Nội	6,5	5,0	Đạt	CNTTCB340	0163472
6	Kiều Thị Phương	Dung	CNTT07	16/10/1994	Đại Đồng - Thạch Thất - Hà Nội	7,2	5,0	Đạt	CNTTCB341	0163471
7	Nguyễn Thị Thu	Hà	CNTT08	20/07/1974	Hương Ngải - Thạch Thất - Hà Nội	8,0	7,5	Đạt	CNTTCB342	0163470
8	Phí Thị Thanh	Hải	CNTT09	13/11/1990	Đồng Trúc - Thạch Thất - Hà Tây	7,2	6,0	Đạt	CNTTCB343	0163469
9	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	CNTT10	23/07/1976	Phú Kim - Thạch Thất - Hà Nội	6,7	7,0	Đạt	CNTTCB344	0163468
10	Tạ Thị Mỹ	Hạnh	CNTT11	10/08/1993	Cần Kiệm - Thạch Thất - Hà Nội	6,5	7,0	Đạt	CNTTCB345	0163467
11	Phùng Thị	Hào	CNTT12	16/02/1990	Phùng Xá - Thạch Thất - Hà Nội	6,7	7,5	Đạt	CNTTCB346	0163466
12	Nguyễn Thị	Hằng	CNTT13	22/04/1991	Hương Ngải - Thạch Thất - Hà Nội	6,2	5,0	Đạt	CNTTCB347	0163465
13	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	CNTT14	28/01/1982	Phú Kim - Thạch Thất - Hà Nội	7,2	6,0	Đạt	CNTTCB348	0163464
14	Nguyễn Thị Thu	Hiền	CNTT15	24/11/1985	Dị Nậu - Thạch Thất - Hà Tây	5,7	5,0	Đạt	CNTTCB349	0163463
15	Nguyễn Thị	Hoa	CNTT16	05/12/1983	Hữu Bằng - Thạch Thất - Hà Nội	6,7	5,0	Đạt	CNTTCB350	0163462
16	Trần Thị	Hòa	CNTT17	26/08/1988	Hạ Bằng - Thạch Thất - Hà Nội	6,5	5,5	Đạt	CNTTCB351	0163461

TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số vào sổ	Số hiệu
						Trắc nghiệm	Thực hành			
17	Kiều Thị	Hồng	CNTT18	14/10/1987	Cần Kiệm - Thạch Thất - Hà Nội	8,0	7,5	Đạt	CNTTCB352	0163460
18	Phạm Thị	Lan	CNTT19	20/06/1983	Tiến Xuân - Lương Sơn - Hoà Bình	7,7	5,5	Đạt	CNTTCB353	0163459
19	Cần Thị	Lâm	CNTT20	27/10/1986	Lại Thượng - Thạch Thất - Hà Nội	7,2	7,5	Đạt	CNTTCB354	0163458
20	Trịnh Duy	Linh	CNTT21	21/01/1993	Phú Kim - Thạch Thất - Hà Nội	6,2	5,0	Đạt	CNTTCB355	0163457
21	Nguyễn Hữu	Lực	CNTT22	16/03/1970	Phú Kim - Thạch Thất - Hà Nội	7,5	6,0	Đạt	CNTTCB356	0163456
22	Kiều Công	Lượng	CNTT23	14/10/1986	Yên Bình - Thạch Thất - Hà Nội	6,5	5,0	Đạt	CNTTCB357	0163455
23	Lê Thị	Mến	CNTT24	14/01/1989	Tân Xã - Thạch Thất - Hà Tây	7,0	7,5	Đạt	CNTTCB358	0163454
24	Đỗ Thị	Nga	CNTT25	07/09/1989	Dị Nậu - Thạch Thất - Hà Nội	6,5	5,5	Đạt	CNTTCB359	0163453
25	Nguyễn Thị	Nga	CNTT26	29/12/1991	Dị Nậu - Thạch Thất - Hà Tây	7,7	6,5	Đạt	CNTTCB360	0163452
26	Nguyễn Thị	Ngọc	CNTT27	09/10/1993	Dị Nậu - Thạch Thất - Hà Nội	6,7	6,5	Đạt	CNTTCB361	0163451
27	Nguyễn Thị Hồng	Nhân	CNTT28	11/01/1991	Phùng Xá - Thạch Thất - Hà Nội	6,0	5,0	Đạt	CNTTCB362	0163450
28	Đỗ Thị Tú	Oanh	CNTT29	06/02/1997	Hương Ngải - Thạch Thất - Hà Tây	9,5	7,5	Đạt	CNTTCB363	0163449
29	Nguyễn Thị	Thảo	CNTT30	17/07/1990	Cẩm Yên - Thạch Thất - Hà Nội	7,0	5,0	Đạt	CNTTCB364	0163448
30	Cần Thị	Thom	CNTT31	15/04/1985	Phú Kim - Thạch Thất - Hà Nội	6,2	7,0	Đạt	CNTTCB365	0163447
31	Nghiêm Thị	Thom	CNTT32	06/05/1992	Bình Phú - Thạch Thất - Hà Nội	6,7	6,5	Đạt	CNTTCB366	0163446
32	Bùi Thái	Thủy	CNTT33	04/04/1987	Bình Yên - Thạch Thất - Hà Nội	7,5	7,5	Đạt	CNTTCB367	0163445
33	Nguyễn Thanh Thanh	Trà	CNTT34	20/02/1992	Lê Lợi - Sơn Tây - Hà Nội	6,5	7,0	Đạt	CNTTCB368	0163444
34	Cần Thị Kiều	Trang	CNTT35	15/10/1992	Phú Kim - Thạch Thất - Hà Nội	8,0	5,0	Đạt	CNTTCB369	0163443
35	Nguyễn Thị Hồng	Trang	CNTT36	12/11/1987	Phú Kim - Thạch Thất - Hà Tây	6,2	7,5	Đạt	CNTTCB370	0163442
36	Nguyễn Thị Thu	Trang	CNTT37	28/09/1993	Phú Kim - Thạch Thất - Hà Nội	8,0	8,5	Đạt	CNTTCB371	0163441
37	Nguyễn Thị	Tuyết	CNTT38	30/10/1978	Phùng Xá - Thạch Thất - Hà Nội	6,2	5,0	Đạt	CNTTCB372	0163440

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Số vào sổ	Số hiệu
					Trắc nghiệm	Thực hành			
38	Nguyễn Thị Vân	CNTT39	06/10/1985	Bình Yên - Thạch Thất - Hà Nội	6,7	7,0	Đạt	CNTTCB373	0163439
39	Hà Thị Xuân	CNTT40	01/06/1983	Nghĩa Phong - Nghĩa Hưng - Nam Định	6,7	6,0	Đạt	CNTTCB374	0163438
40	Hoàng Yến	CNTT42	13/12/1984	Thạch Thất - Hà Nội	7,5	7,0	Đạt	CNTTCB375	0163437
41	Nguyễn Thị Yên	CNTT43	14/02/1991	Thạch Thất - Hà Nội	7,5	6,5	Đạt	CNTTCB376	0163436
42	Nguyễn Văn Cương	CNTT44	27/08/1994	Đông Phú - Lục Nam - Bắc Giang	7,0	7,5	Đạt	CNTTCB377	0163435
43	Ngọc Đức Kha	CNTT45	11/12/1991	An Lập - Sơn Động - Bắc Giang	7,0	7,5	Đạt	CNTTCB378	0163434
44	Phan Ngọc Minh Quang	CNTT46	31/12/1996	Thạch Thất - Hà Nội	8,7	7,0	Đạt	CNTTCB379	0163433

Tổng số thí sinh theo danh sách: 44

Bắc Giang, ngày 20 tháng 9 năm 2017

Chủ tịch Hội đồng xét kết quả kỳ thi

Thư ký Hội đồng xét kết quả kỳ thi

Chủ tịch hội đồng thi

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

TS. Đoàn Văn Soạn

Ths. Nguyễn Việt Đức

Ths. Đỗ Thị Huyền